SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG

XẾP THỨ TỰ CÁC TRƯỜNG THCS

Theo kết quả thi vào tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2014-2015

(Đã bao gồm điểm thi của thí sinh đỗ THPT chuyên Nguyễn Trãi)

STT	Trường THCS	Điểm bình quân	Ghi chú
1	Phan Bội Châu - Tứ Kỳ	40.782	
2	Nguyễn Trãi - Nam Sách	39.972	
3	Vũ Hữu - Bình Giang	39.963	
4	Lê Quý Đôn - TP. Hải Dương	38.699	
5	Thành Nhân - Ninh Giang	38.445	
6	Nguyễn Lương Bằng - Thanh Miện	38.345	
7	Lê Thanh Nghị - Gia Lộc	38.327	
8	Chu Văn An - Thanh Hà	38.232	
9	Nguyễn Huệ - Cẩm Giàng	38.206	
10	Phạm Sư Mạnh - Kinh Môn	37.452	
11	Chu Văn An - Chí Linh	35.987	
12	TT Tứ Kỳ - Tứ Kỳ	35.566	
13	Hồng Dụ - Ninh Giang	35.406	
14	Tân Quang - Ninh Giang	35.203	
15	Phú Thái - Kim Thành	34.494	
16	Tứ Cường - Thanh Miện	34.409	
17	TT Cẩm Giàng - Cẩm Giàng	34.355	
18	Võ Thị Sáu - TP. Hải Dương	34.301	
19	Hùng Thắng - Bình Giang	34.280	
20	Phúc Thành - Kinh Môn	34.200	
21	Thăng Long - Kinh Môn	33.990	
22	Quang Trung - Kinh Môn	33.875	
23	Tiền Phong - Thanh Miện	33.796	
24	Ngô Gia Tự - TP. Hải Dương	33.766	
25	Tứ Xuyên - Tứ Kỳ	33.757	
26	Lam Sơn - Thanh Miện	33.715	
27	Cộng Hòa - Kim Thành	33.678	
28	Ngũ Hùng - Thanh Miện	33.619	
29	Lê Ninh - Kinh Môn	33.576	
30	Hùng Sơn - Thanh Miện	33.443	
31	TT Thanh Miện - Thanh Miện	33.426	
32	Hoàng Hanh - Ninh Giang	33.413	
33	Quang Minh - Gia Lộc	33.346	
34	Cẩm Sơn - Cẩm Giàng	33.314	
35	Bình Minh - TP. Hải Dương	33.307	
36	Thanh Giang - Thanh Miện	33.263	
37	Lai Vu - Kim Thành	33.211	
38	Yết Kiêu - Gia Lộc	33.172	
39	Tân Kỳ - Tứ Kỳ	33.092	
40	Tiên Động - Tứ Kỳ	33.022	
41	Tân Phong - Ninh Giang	32.956	
42	Hồng Thái - Ninh Giang	32.933	
43	Quyết Thắng - Thanh Hà	32.910	
44	Phạm Kha - Thanh Miện	32.705	
45	Đoàn Tùng - Thanh Miện	32.699	
46	Hồng Hưng - Gia Lộc	32.482	
47	Thanh An - Thanh Hà	32.469	
48	Hồng Phong - Nam Sách	32.427	
49	Đức Xương - Gia Lộc	32.423	

50	Cẩm Định - Cẩm Giàng	32.359	
51	Bạch Đằng - Kinh Môn	32.332	
52	Tiền Tiến - Thanh Hà	32.319	
53	Hồng Lạc - Thanh Hà	32.182	
54	Chi Lăng Bắc - Thanh Miện	32.156	
55	Quang Phục - Tứ Kỳ	32.140	
56	Đông Kỳ - Tứ Kỳ	32.139	
57	Nguyên Giáp - Tứ Kỳ	32.138	
58	Kẻ Sặt - Bình Giang	32.130	
59	Ngô Quyền - Thanh Miện	32.090	
60	Tuấn Hưng - Kim Thành	32.065	
61	Ngọc Liên - Cẩm Giàng	31.929	
62	Hồng Phúc - Ninh Giang	31.896	
63	Quang Trung - Tứ Kỳ	31.883	
64	Quang Khải - Tứ Kỳ	31.877	
65	Hồng Quang - Thanh Miện	31.823	
66	Cẩm Điền - Cẩm Giàng	31.806	
67	Nhật Tân - Gia Lộc	31.656	
68	Hiệp Hòa - Kinh Môn	31.587	
69	Đoàn Kết - Thanh Miện	31.585	
70	Cổ Dũng - Kim Thành	31.567	
71	Thất Hùng - Kinh Môn	31.498	
72	An Thanh - Tứ Kỳ	31.493	
73	Nguyễn Trãi - Chí Linh	31.444	
74	Kim Anh - Kim Thành	31.423	
75	Hồng Đức - Ninh Giang	31.340	
76	Tráng Liệt - Bình Giang	31.340	
77	Thanh Thủy - Thanh Hà	31.328	
78	Hưng Thái - Ninh Giang	31.302	
79	Việt Hồng - Thanh Hà	31.230	
80	Cẩm Chế - Thanh Hà	31.214	
81	Thái Tân - Nam Sách	31.120	
82	Thái Hòa - Bình Giang	31.070	
83	Thanh Sơn - Thanh Hà	31.061	
84	Gia Khánh - Gia Lộc	30.962	
85	Lê Hồng Phong - TP. Hải Dương	30.905	
86	Bình Xuyên - Bình Giang	30.863	
87	Phả Lại - Chí Linh	30.829	
88	Thanh Hải - Thanh Hà	30.794	
89	Hoàng Tiến - Chí Linh	30.726	
90	Cẩm Hoàng - Cẩm Giàng	30.716	
91	Diên Hồng - Thanh Miện	30.667	
92	Chí Minh - Chí Linh	30.639	
93	Lê Lợi - Chí Linh	30.637	
94	Quảng Nghiệp - Tứ Kỳ	30.603	
95	Văn Giang - Ninh Giang	30.571	
96	Thượng Vũ - Kim Thành	30.554	
97	Thống Nhất - Gia Lộc	30.478	
98	An Lương - Thanh Hà	30.476	
99	Bình Hàn - TP. Hải Dương	30.460	
100	Thanh Quang - Nam Sách	30.450	
101	Đại Hợp - Tứ Kỳ	30.442	
102	Thanh Xuân - Thanh Hà	30.398	
103	An Lạc - Chí Linh	30.337	
104	Văn Hội - Ninh Giang	30.295	
105	Dân Chủ - Tứ Kỳ	30.284	
106	Đồng Quang - Gia Lộc	30.225	
107	Ninh Hải - Ninh Giang	30.207	

108	Cộng Hòa - Nam Sách	30.194	
109	Ngọc Châu - TP. Hải Dương	30.165	
110	Đức Chính - Cẩm Giàng	30.162	
111	Vĩnh Hòa - Ninh Giang	30.116	
112	Thanh Lang - Thanh Hà	30.096	
113	Cẩm Văn - Cẩm Giàng	30.091	
114	Cao Thắng - Thanh Miện	30.089	
115	Lạc Long - Kinh Môn	30.078	
116	Tân Hồng - Bình Giang	30.067	
117	Cẩm Phúc - Cẩm Giàng	30.063	
118	Ninh Hòa - Ninh Giang	30.040	
119	Phương Hưng - Gia Lộc	30.004	
120	Chi Lăng Nam - Thanh Miện	29.957	
121	Hồng Phong - Ninh Giang	29.951	
122	Phượng Kỳ - Tứ Kỳ	29.907	
123	Cổ Bì - Bình Giang	29.852	
124	Thái Dương - Bình Giang	29.844	
125	Cẩm Đông - Cẩm Giàng	29.814	
126	Vạn Phúc - Ninh Giang	29.754	
127	Vĩnh Hồng - Bình Giang	29.717	
128	Long Xuyên - Kinh Môn	29.702	
129	Bình Minh - Bình Giang	29.693	
130	Phạm Trấn - Gia Lộc	29.671	
131	Hồng Khê - Bình Giang	29.627	
132	Tân Dân - Chí Linh	29.582	
133	Ninh Thành - Ninh Giang	29.559	
134	TT Thanh Hà - Thanh Hà	29.538	
135	Phượng Hoàng - Thanh Hà	29.516	
136	Thanh Khê - Thanh Hà	29.496	
137	Ngọc Sơn - Tứ Kỳ	29.465	
138	Trùng Khánh - Gia Lộc	29.452	
139	Kiến Quốc - Ninh Giang	29.364	
140	An Phụ - Kinh Môn	29.318	
141	Đồng lạc - Chí Linh	29.315	
142	An Bình - Nam Sách	29.295	
143	Kỳ Sơn - Tứ Kỳ	29.260	
144	Liên Hồng - Gia Lộc	29.238	
145	Hợp Tiến - Nam Sách	29.148	
146	Hoa Thám - Chí Linh	29.113	
147	Thái Học - Chí Linh	29.100	
148	Thanh Hồng - Thanh Hà	29.098	
149	Toàn Thắng - Gia Lộc	29.044	
150	Gia Hòa - Gia Lộc	28.996	
151	Trần Phú - TP. Hải Dương	28.965	
152	Hợp Đức - Thanh Hà	28.920	
153	Liên Mạc - Thanh Hà	28.912	
154	Tân Trường - Cẩm Giàng	28.906	
155	Đại Đồng - Tứ Kỳ	28.852	
156	Trần Hưng Đạo - TP. Hải Dương	28.833	
157	Bình Dân - Kim Thành	28.821	
158	TT Gia Lộc - Gia Lộc	28.786	
159	Tân Việt - Thanh Hà	28.762	
160	Nhân Quyền - Bình Giang	28.738	
161	Long Xuyên - Bình Giang	28.731	
162	Cộng Hòa - Chí Linh	28.727	
163	Cẩm Đoài - Cẩm Giàng	28.657	
164	Quốc Tuấn - Nam Sách	28.652	
165	Minh Tân - Nam Sách	28.642	

166	Thanh Cường - Thanh Hà	28.626	
167	Tân Bình - TP. Hải Dương	28.614	
168	Thanh Tùng - Thanh Miện	28.600	
169	Văn An - Chí Linh	28.590	
170	Nam Đồng - TP. Hải Dương	28.583	
171	Hà Thanh - Tứ Kỳ	28.490	
172	TT Nam Sách - Nam Sách	28.470	
173	Thạch Lỗi - Cẩm Giàng	28.413	
174	Vĩnh Tuy - Bình Giang	28.393	
175	Thái Sơn - Kinh Môn	28.380	
176	Hưng Đạo - Tứ Kỳ	28.329	
177	Thái Học - Bình Giang	28.317	
178	Hiệp Lực - Ninh Giang	28.289	
179	Vĩnh Lập - Thanh Hà	28.285	
180	Kim Xuyên - Kim Thành	28.223	
181	Nam Trung - Nam Sách	28.187	
182	Kim Đính - Kim Thành	28.173	
183	Tân Việt - Bình Giang	28.086	
184	Hiến Thành - Kinh Môn	28.082	
185	Đồng Lạc - Nam Sách	28.051	
186	Hưng Đạo - Chí Linh	28.027	
187	Tân Trào - Thanh Miện	28.017	
188	Phú Điền - Nam Sách	27.976	
189	Hải Tân - TP. Hải Dương	27.892	
190	Minh Hòa - Kinh Môn	27.868	
191	Nam Hưng - Nam Sách	27.863	
192	Lê Lợi - Gia Lộc	27.820	
193	Ái Quốc - TP. Hải Dương	27.815	
194	An Đức - Ninh Giang	27.812	
195	Nam Chính - Nam Sách	27.794	
196	Việt Hưng - Kim Thành	27.791	
197	Thống Kênh - Gia Lộc	27.784	
198	Hưng Long - Ninh Giang	27.773	
199	Thượng Đạt - TP. Hải Dương	27.742	
200	Tái Sơn - Tứ Kỳ	27.663	
201	Văn Đức - Chí Linh	27.639	
202	Minh Tân - Kinh Môn	27.604	
203	Ứng Hòe - Ninh Giang	27.556	
204	Thạch Khôi - TP. Hải Dương	27.550	
205	Lai Cách - Cẩm Giàng	27.495	
206	Hoành Sơn - Kinh Môn	27.461	
207	Thái Thịnh - Kinh Môn	27.414	
208	Hiệp Cát - Nam Sách	27.407	
209	Hoàng Diệu - Gia Lộc	27.406	
210	An Sơn - Nam Sách	27.404	
211	Thanh Bính - Thanh Hà	27.371	
212	Ngọc Kỳ - Tứ Kỳ	27.353	
213	Gia Xuyên - Gia Lộc	27.297	
214	Cổ Thành - Chí Linh	27.288	
215	An Sinh - Kinh Môn	27.232	
216	Văn Tố - Tứ Kỳ	27.120	
217	Kim Lương - Kim Thành	26.986	
218	Tân An - Thanh Hà	26.936	
219	Việt Hòa - TP. Hải Dương	26.873	
220	Thượng Quận - Kinh Môn	26.855	
221	Nam Hồng - Nam Sách	26.781	
222	Kim Khê - Kim Thành	26.772	
223	Nhân Huệ - Chí Linh	26.746	

224	Lê Hồng - Thanh Miện	26.738	
225	Ngũ Phúc - Kim Thành	26.704	
226	Hưng Thịnh - Bình Giang	26.652	
227	Đông Xuyên - Ninh Giang	26.461	
228	Tân Tiến - Gia Lộc	26.450	
229	Tân Hưng - TP. Hải Dương	26.361	
230	Hoàng Tân - Chí Linh	26.325	
231	Gia Tân - Gia Lộc	26.303	
232	Kim Tân - Kim Thành	26.300	
233	Bình Lãng - Tứ Kỳ	26.187	
234	Minh Đức - Tứ Kỳ	26.176	
235	Cẩm Thượng - TP. Hải Dương	26.129	
236	Mạc Thị Bưởi - Nam Sách	26.061	
237	Thúc Kháng - Bình Giang	26.005	
238	Đoàn Thượng - Gia Lộc	25.959	
239	Đại Đức - Kim Thành	25.862	
240	Quyết Thắng - Ninh Giang	25.845	
241	Cao An - Cẩm Giàng	25.838	
242	Tân Hương - Ninh Giang	25.813	
243	Sao Đỏ - Chí Linh	25.562	
244	Cẩm Vũ - Cẩm Giàng	25.518	
245	Lương Điền - Cẩm Giàng	25.410	
246	Tứ Minh - TP. Hải Dương	25.387	
247	Kim Giang - Cẩm Giàng	25.361	
248	Trường Thành - Thanh Hà	25.261	
249	Cộng Lạc - Tứ Kỳ	25.169	
250	Cẩm La - Kim Thành	25.146	
251	TT Ninh Giang - Ninh Giang	25.076	
252	Hà Kỳ - Tứ Kỳ	25.028	
253	Gia Lương - Gia Lộc	24.947	
254	An Lâm - Nam Sách	24.876	
255	Đồng Gia - Kim Thành	24.708	
256	Tử Lạc - Kinh Môn	24.576	
257	Cẩm Hưng - Cẩm Giàng	24.164	
258	Hiệp Sơn - Kinh Môn	23.572	
259	Tam Kỳ - Kim Thành	23.541	
260	Hiệp An - Kinh Môn	23.483	
261	An Châu - TP. Hải Dương	23.463	
262	Nghĩa An - Ninh Giang	23.392	
263	Liên Hòa - Kim Thành	23.314	
264	Phú Thứ - Kinh Môn	23.297	
265	Duy Tân - Kinh Môn	23.205	
266	TT Kinh Môn - Kinh Môn	22.802	
267	Đồng Tâm - Ninh Giang	22.775	
268	Phúc Thành - Kim Thành	22.637	
269	Tân Dân - Kinh Môn	22.260	
270	Thanh Xá - Thanh Hà	21.606	
271	Quang Hưng - Ninh Giang	21.357	
272	Phạm Mệnh - Kinh Môn	18.627	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG